

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 805/2014/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 193/2012/QĐ-UBND, ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 13/12/2004;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 337/TTr-SKHĐT ngày 26/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 193/2012/QĐ-UBND, ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

1. Về căn cứ pháp lý ban hành quyết định

Thay thế các căn cứ đã hết hiệu lực thi hành

- “Luật Hợp tác xã ngày 26/11/2003” thay bằng “Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012”

- “Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003; Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã” thay thế bằng “Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012 và Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã.”

- “Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; Nghị định số 62/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2007/NĐ-CP” thay thế bằng “Nghị định số 155/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.”

Bổ sung căn cứ pháp lý mới ban hành và có hiệu lực thi hành:

- “Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp”;

- “Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp”;

2. Sửa đổi điểm g, khoản 1 Điều 4 như sau:

“g) Chấp hành việc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.”

3. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Phối hợp xử lý vi phạm

1. Phối hợp xử lý vi phạm trong thanh tra, kiểm tra các nội dung trong hồ sơ đăng ký.

Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy chế này, cơ quan chủ trì thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định tại Nghị định 155/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ.

2. Phối hợp xử lý vi phạm trong thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật chuyên ngành.

a) Khi thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý chuyên ngành phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm phải đình chỉ ngay hành vi vi phạm đó và tiến hành xử lý vi phạm theo các quy định của pháp luật;

b) Trong trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm các quy định tại Điều 59, Điều 61 Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Khoản 2, Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2005; phát hiện doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập theo Luật Đầu tư vi phạm Khoản 2, Điều 64 Luật Đầu tư và Khoản 2, Điều 68 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ;

phát hiện hợp tác xã vi phạm các quy định tại Khoản 2, điều 19, Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ và Khoản 2 Điều 54 Luật Hợp tác xã năm 2012, cơ quan xử lý vi phạm phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với Giấy chứng nhận đầu tư do UBND tỉnh cấp, thông báo qua Sở Kế hoạch và đầu tư), cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh biết về việc vi phạm đó trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện việc vi phạm, kèm theo hồ sơ xác định vi phạm để có căn cứ xem xét, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; thông báo cho UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.”

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận, quản lý, xử lý, xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

b) Định kỳ chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng, cung cấp danh sách kèm theo thông tin về các doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại, giải thể, phá sản và danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tháng trước đến Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thành phố, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; đồng thời cập nhật thông tin này lên trang website của Sở Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.bacgiangdpi.gov.vn>);

c) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 7), hàng năm (trước ngày 30 tháng 1 năm sau) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

d) Định kỳ chậm nhất vào ngày 10 của tháng đầu quý, báo cáo tổng hợp kết quả đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của quý trước trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

e) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 hàng năm, tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của năm trước đó trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

f) Chủ động cung cấp kịp thời, đầy đủ những thông tin thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh cho các tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 10 như sau:

“6. UBND các huyện, thành phố

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin về doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp cung cấp. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Định kỳ chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm cung cấp danh sách kèm theo thông tin về hộ kinh doanh đã đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại; và danh sách hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tháng trước đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan;

c) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 7), hàng năm (trước ngày 20 tháng 1 năm sau) đánh giá tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn; tổng hợp danh sách doanh nghiệp và hộ kinh doanh vi phạm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) đồng thời thông báo cho các cơ quan khác có liên quan;

d) Định kỳ chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký hợp tác xã của tháng trước; đồng thời cung cấp danh sách kèm thông tin về hợp tác xã đã đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại; danh sách hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tháng trước trên địa bàn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Công an tỉnh, Liên minh HTX tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan.

e) Chậm nhất vào ngày 28 tháng 02 hàng năm, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã của năm trước đó trên địa bàn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Công an tỉnh, Liên minh HTX tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan.

f) Chủ động cung cấp kịp thời, đầy đủ những thông tin thuộc chức năng quản lý của UBND huyện, thành phố đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn cho các tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Hạnh